



## **QUYẾT ĐỊNH**

**V/v: Phê duyệt E-HSMT**

**gói thầu “Mua bổ sung Router Nas cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”  
thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 –  
Giai đoạn 1”**

**thuộc dự án “Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **CÔNG TY TNHH TRUYỀN HÌNH CẤP SAIGONTOURIST**

- Căn cứ Quyết định số: 55/QĐ - UBND ngày 08/01/2010 của UBND Tp. Hồ Chí Minh về việc phê duyệt đề án chuyển đổi Công ty Truyền hình Cấp Saigontourist;
- Căn cứ Điều 17 Chương III Điều lệ Công ty TNHH Truyền Hình Cấp Saigontourist ngày 15/01/2010 của hai bên liên doanh quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Công ty;
- Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;
- Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 08 năm 2025;
- Căn cứ Quy trình số 93/QT-SCTV ngày 08/04/2024 v/v Thực hiện lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị và dịch vụ thông qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Căn cứ Quyết định số 229/QĐ-SCTV ngày 13/08/2025 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Truyền Hình Cấp Saigontourist về việc phê duyệt điều chỉnh dự án “Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”;
- Căn cứ Quyết định số 904/eQĐ-SCTV ngày 20/09/2025 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Truyền Hình Cấp Saigontourist về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án điều chỉnh “Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”;
- Căn cứ Quyết định của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Truyền Hình Cấp Saigontourist về việc phê duyệt dự toán kinh phí đầu tư gói thầu “Mua bổ sung Router Nas cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”;
- Căn cứ Quyết định của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Truyền Hình Cấp Saigontourist về việc giao nhiệm vụ triển khai thực hiện gói thầu “Mua bổ sung Router Nas cho dự án

*GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”;*

*- Căn cứ Tờ trình của Tổ chuyên gia đấu thầu về việc đề nghị phê duyệt E-HSMT của gói thầu “Mua bổ sung Router Nas cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”;*

*- Căn cứ Báo cáo thẩm định của Tổ thẩm định về việc thẩm định E-HSMT gói thầu “Mua bổ sung Router Nas cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt E-HSMT gói thầu “Mua bổ sung Router Nas cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1” với nội dung theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Giao Phòng Kế hoạch - Đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu.

**Điều 3:** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông/Bà Trưởng Phòng Kế hoạch - Đầu tư, Tài chính - Kế toán, Trưởng các Phòng chức năng liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhân:**

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, P.KHĐT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

## PHỤ LỤC

Kèm theo Quyết định số 1027/eQĐ-SCTV v/v phê duyệt E-HSMT gói thầu “Mua bổ sung Router Nas cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”

**Nội dung chính của hồ sơ mời thầu:**

### 1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Yêu cầu Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm như sau:

#### Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)

#### BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

(Đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất<sup>(1)</sup> ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 <sup>(2)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>(3)</sup> .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế <sup>(4)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính <sup>(5)</sup>	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		(Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)				
3.2	<b>Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)</b>	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 <sup>(6)</sup> năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 1.993.000.000 <sup>(7)</sup> VND.  Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, doanh thu được xác định tương ứng với giá dự thầu theo hệ số “k” 1.5.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
4	<b>Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự</b>	<i>Căn cứ vào tính chất, điều kiện cụ thể của gói thầu, chủ đầu tư yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự hoặc không yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự.</i>  <i>- Trường hợp không yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự thì chọn “Không áp dụng”.</i>  <i>- Trường hợp có yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự thì chọn “Áp dụng” và quy định như sau:</i>  Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ <sup>(8)</sup> trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 <sup>(9)</sup> đến thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (trương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05A

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		Tài liệu cần nộp
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		<p>Trong đó hợp đồng tương tự là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tính chất tương tự: thuộc nhóm hàng hoá có mã HS code 8517, Nhà thầu cung cấp bản scan Hợp đồng tương tự để chứng minh<sup>(10)</sup>;</li> <li>- Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 717.255.000 VND<sup>(11)</sup>.</li> </ul> <p>Trường hợp gói thầu có nhiều loại hàng hóa khác nhau thì việc đưa ra yêu cầu về hợp đồng tương tự được thực hiện theo Bảng Y.</p>				
5	<b>Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác<sup>(12)</sup></b>	<p>Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.</li> <li>- Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.</li> </ul>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc

**Bảng số 02 (Webform trên Hệ thống)**

**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

*(Đối với nhà thầu là nhà sản xuất<sup>(1)</sup> ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)*

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	<b>Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu</b>	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 <sup>(2)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>(3)</sup> .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	<b>Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế</b>	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế <sup>(4)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Nội dung cam kết theo đơn dự thầu
3	<b>Năng lực tài chính<sup>(5)</sup></b>					
3.1	<b>Kết quả hoạt động tài chính<sup>(6)</sup></b>	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
3.2	<b>Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)<sup>(7)</sup></b>	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 <sup>(8)</sup> năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 1.993.000.000 <sup>(9)</sup> VND. Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, doanh thu được xác định tương ứng với giá dự thầu theo hệ số “k” 1.5.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ		Tài liệu cần nộp	
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh		Từng thành viên liên danh
4	<b>Năng lực sản xuất hàng hoá<sup>(10)</sup></b>	<p><i>Căn cứ vào tính chất, điều kiện cụ thể của gói thầu, chủ đầu tư yêu cầu về năng lực sản xuất hàng hóa hoặc không yêu cầu về năng lực sản xuất hàng hóa.</i></p> <p>- Trường hợp không yêu cầu về năng lực sản xuất hàng hóa thì chọn “Không áp dụng”.</p> <p>- Trường hợp có yêu cầu về năng lực sản xuất hàng hóa thì chọn “Áp dụng” và quy định như sau:</p> <p>Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa thuộc gói thầu đáp ứng yêu cầu theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>- Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu: 15 (đơn vị sản phẩm: cái) sản phẩm/01 tháng hoặc tối thiểu: 183 (đơn vị sản phẩm: cái) sản phẩm/01 năm;</p> <p>Hoặc:</p> <p>- Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu: 15 (đơn vị sản phẩm: cái) sản phẩm hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu: 183 (đơn vị sản phẩm: cái) sản phẩm.</p> <p>Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp,</p>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05B

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		<p>năng lực sản xuất được xác định tương ứng với khối lượng, số lượng mà nhà thầu có thể cung cấp (không phải tương ứng với khối lượng mời thầu) theo hệ số “k” 1.5.</p> <p>Trường hợp gói thầu có nhiều loại hàng hóa khác nhau thì việc đưa ra yêu cầu về năng lực sản xuất được thực hiện theo Bảng Y.</p>				
5	<b>Khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác<sup>(1)</sup></b>	<p>Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.</li> <li>- Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.</li> </ul>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc

## 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

### 2.1. Yêu cầu về kỹ thuật

STT	TÊN VẬT TƯ - THIẾT BỊ	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
1	Thiết bị định tuyến dịch vụ truy cập mạng uplink 100G (Router NAS (Network Access Service) UPLINK 100G)	Áp dụng theo TCKT tại mục 3.19 trong Biên bản thẩm định dự án đã được duyệt

## **2.2. Kiểm tra và thử nghiệm hàng mẫu**

Yêu cầu kiểm tra và thử nghiệm hàng mẫu có Ký mã hiệu/ nhãn mác sản phẩm chưa được Chủ đầu tư sử dụng và nghiệm thu để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.